

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ
SAO MAI BẾN ĐÌNH**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

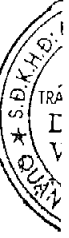


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG:</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 21



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Hải Bình	Chủ tịch
Ông Phùng Như Dũng	Ủy viên
Ông Lê Triều Thanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Phúc Hải	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 11 năm 2011)
Ông Nguyễn Tấn Hòa	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2011)
Ông Nguyễn Việt Đạt	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Phùng Như Dũng	Giám đốc
Ông Đặng Đức Hồi	Phó Giám đốc
Ông Trần Chí Dũng	Phó Giám đốc
Ông Trần Đức Hạnh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

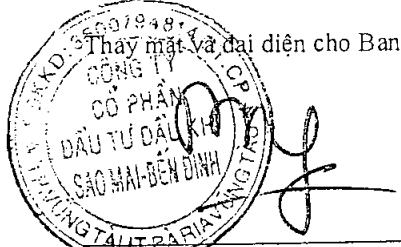
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phùng Như Dũng

Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2012

2021
HÌNH
CÔNG
HÀNH
LO
ÉT
P. H
TR H

Số: 915/2012/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 21. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Trần Đình Nghi Hạ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0288/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 7 tháng 3 năm 2012
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Văn Đình Khuê
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1178/KTV

172.
NH
TY
HUU
ST
AP
OD
HOI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MÃ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		556.560.311.999	538.599.224.309
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	402.344.257.497	308.569.253.466
1. Tiền	111		2.344.257.497	2.100.531.254
2. Các khoản tương đương tiền	112		400.000.000.000	306.468.722.212
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	130.000.000.000	185.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		130.000.000.000	185.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.171.238.488	41.295.893.451
1. Phải thu của khách hàng	131		13.203.530.933	25.879.078.219
2. Trả trước cho người bán	132		793.253.978	5.644.169.985
3. Các khoản phải thu khác	135	7	9.174.453.577	9.772.645.247
IV. Hàng tồn kho	140		-	3.052.974.138
1. Hàng tồn kho	141		-	3.052.974.138
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.044.816.014	681.103.254
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.541.000	248.863.125
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		470.588.302	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		239.070.997	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		324.615.715	432.240.129
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		275.678.830.055	269.304.836.388
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		23.000.000	230.767.120
1. Phải thu dài hạn khác	218		23.000.000	230.767.120
II. Tài sản cố định	220		43.907.606.864	32.839.954.529
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	21.154.330.729	14.904.823.745
- Nguyên giá	222		26.370.904.269	17.823.160.418
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.216.573.540)	(2.918.336.673)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	7.116.384	17.790.960
- Nguyên giá	228		53.372.880	53.372.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(46.256.496)	(35.581.920)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	22.746.159.751	17.917.339.824
III. Bất động sản đầu tư	240		221.218.223.191	225.693.082.239
- Nguyên giá	241	11	229.280.786.454	229.018.814.285
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(8.062.563.263)	(3.325.732.046)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10.530.000.000	10.530.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	12	10.530.000.000	10.530.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	11.032.500
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	11.032.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			832.239.142.054	807.904.060.697

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
 Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

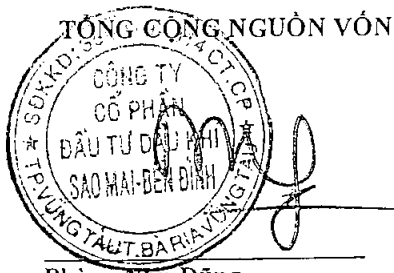
Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		259.463.934.157	258.402.423.317
I. Nợ ngắn hạn	310		14.229.842.537	36.277.823.320
1. Phải trả người bán	312		5.019.066.409	24.147.691.299
2. Người mua trả tiền trước	313		-	1.559.600.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	3.721.197.300	5.325.041.191
4. Phải trả người lao động	315		219.100.479	1.936.344.573
5. Chi phí phải trả	316		2.095.309.138	330.660.200
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		82.924.802	338.495.873
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		3.092.244.409	2.639.990.184
II. Nợ dài hạn	330		245.234.091.620	222.124.599.997
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	14	1.880.064.493	770.700.348
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		72.637.220	-
3. Doanh thu chưa thực hiện	338	15	243.109.961.336	221.282.471.078
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		171.428.571	71.428.571
B. NGUỒN VỐN	400		572.775.207.897	549.501.637.380
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	572.775.207.897	549.501.637.380
1. Vốn điều lệ	411		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(1.411.475.005)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		29.648.479.095	21.953.718.608
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.980.918.183	8.131.006.892
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		32.145.810.619	20.828.386.885
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		832.239.142.054	807.904.060.697



Phùng Như Dũng
 Giám đốc
 Ngày 9 tháng 3 năm 2012

Phạm Minh Vi
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
 Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

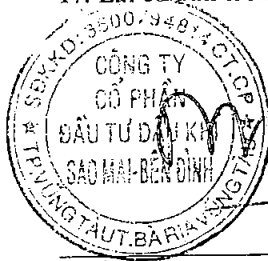
Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu gộp	01	17	291.428.639.993	15.001.876.655
2. Doanh thu thuần	10		291.428.639.993	15.001.876.655
3. Giá vốn hàng bán	11	18	283.973.636.546	14.310.749.518
4. Lợi nhuận gộp	20		7.455.003.447	691.127.137
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	70.049.944.786	57.749.376.399
6. Chi phí tài chính	22	22	8.512.053.542	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.341.143.992	-
7. Chi phí bán hàng	24		1.348.998.237	836.921.241
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		33.493.506.853	24.301.046.775
9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		34.150.389.601	33.302.535.520
10. Thu nhập khác	31		2.406.042.530	-
11. Chi phí khác	32		2.900.454.370	-
12. Lỗ khác	40		494.411.840	-
13. Lợi nhuận trước thuế	50		33.655.977.761	33.302.535.520
14. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	23	7.549.615.684	7.416.452.566
15. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	14	1.109.364.145	770.700.348
16. Lợi nhuận sau thuế	60		<u>24.996.997.932</u>	<u>25.115.382.606</u>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	<u>500</u>	<u>502</u>



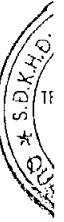
Phùng Như Dũng
 Giám đốc
 Ngày 9 tháng 3 năm 2012

Phạm Minh VI
 Kế toán trưởng

7372
 ANH
 TY
 HỮU
 ITT
 NAI
 NỘI
 OCH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 03-DN
 Đơn vị: VND



CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	33.655.977.761	33.302.535.520
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	7.110.333.045	5.087.075.928
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	1.411.475.005
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(65.562.174.760)	(57.749.376.399)
Chi phí lãi vay	06	2.341.143.992	-
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(22.454.719.962)	(17.948.289.946)
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	17.132.195.528	(29.278.336.354)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	3.052.974.138	(3.017.519.593)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11	(290.462.083)	129.029.379.312
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	249.354.625	(109.355.625)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8.442.957.264)	(7.597.821.846)
Tiền lãi vay đã trả	15	(2.341.143.992)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.682.648.195)	(2.081.266.654)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(15.777.407.205)	68.996.789.294
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(11.607.955.194)	(124.565.886.606)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	72.727.273	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.531.831.800.340)	(130.000.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.586.831.800.340	-
5. Thu lãi tiền gửi	27	66.087.639.157	54.048.325.598
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	109.552.411.236	(200.517.561.008)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức đã trả cho các cổ đông	36	-	(25.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(25.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	93.775.004.031	(156.520.771.714)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	308.569.253.466	466.501.500.185
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(1.411.475.005)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	<u>402.344.257.497</u>	<u>308.569.253.466</u>

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền dùng để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm số tiền 2.095.171.138 đồng (2010: 1.303.030.366 đồng) là số tiền dùng cho mua sắm tài sản trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải trả.

Tiền thu từ lãi tiền gửi không bao gồm số tiền 9.174.453.577 đồng (2010: 8.773.278.296 đồng), thể hiện khoản thuế nhập chưa nhận được tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Phung Nhu Dang
 Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2012

Phạm Minh Vi
 Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3500794814 ngày 29 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các giấy phép điều chỉnh. Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh này thay thế cho Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4903000636 ngày 7 năm 5 năm 2007.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 75 (31 tháng 12 năm 2010: 70).

Hoạt động chính

Hoạt động của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh là khai thác cụm cảng và khu kinh tế Sao Mai Bến Đình, khai thác cụm cảng container, sản xuất, sửa chữa và cho thuê container; xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí; lắp ráp giàn khoan và các công trình nổi phục vụ ngành dầu khí; đóng mới và sửa chữa tàu thuyền và các phương tiện nổi; kinh doanh máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí và hàng hải, phân bón, vật liệu xây dựng, hóa chất; kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy nội bộ; cho thuê các thiết bị vận tải, kho bãi.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 26.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến các dự án và các chi phí phát sinh liên quan đến dịch vụ tư vấn quản lý dự án.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm:</u>
Máy móc & thiết bị	7
Phương tiện vận tải	7
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản hữu hình khác	10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

11/11/2011 10:00 AM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm (5) năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm cơ sở hạ tầng và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào công ty khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Công ty được đầu tư và được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được trích lập cho các khoản đầu tư dài hạn nếu công ty được đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các thiết bị văn phòng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai hoặc ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo tỉ lệ dịch vụ đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu ngắn hạn và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 5 năm.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Đối với năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, chênh lệch giữa việc áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) là không đáng kể.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu Báo cáo tài chính
 Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	143.398.628	305.554.824
Tiền gửi ngân hàng	2.200.858.869	1.794.976.430
Các khoản tương đương tiền	400.000.000.000	306.468.722.212
	<u>402.344.257.497</u>	<u>308.569.253.466</u>

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và các khoản ủy thác đầu tư tại các Công ty tài chính có kỳ hạn 3 tháng với lãi suất được hưởng 14%/năm (2010: 11,6% - 15%).

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm với lãi suất được hưởng 14%/năm (2010: 11,6% - 15%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	9.174.453.577	8.773.278.296
Các khoản phải thu khác	-	999.366.951
	<u>9.174.453.577</u>	<u>9.772.645.247</u>

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc Thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản hữu hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2011	1.455.011.000	4.479.393.486	1.060.324.070	10.828.431.862	17.823.160.418
Tăng	12.800.000	-	225.488.273	393.740.000	632.028.273
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	7.980.305.963	7.980.305.963
Thanh lý	-	-	(64.590.385)	-	(64.590.385)
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.467.811.000</u>	<u>4.479.393.486</u>	<u>1.221.221.958</u>	<u>19.202.477.825</u>	<u>26.370.904.269</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2011	45.529.823	1.118.604.062	818.168.399	936.034.389	2.918.336.673
Khấu hao trong năm	209.535.043	639.913.344	140.054.216	1.373.324.649	2.362.827.252
Thanh lý	-	-	(64.590.385)	-	(64.590.385)
Tại ngày 31/12/2011	<u>255.064.866</u>	<u>1.758.517.406</u>	<u>893.632.230</u>	<u>2.309.359.038</u>	<u>5.216.573.540</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.212.746.134</u>	<u>2.720.876.080</u>	<u>327.589.728</u>	<u>16.893.118.787</u>	<u>21.154.330.729</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>1.409.481.177</u>	<u>3.360.789.424</u>	<u>242.155.671</u>	<u>9.892.397.473</u>	<u>14.904.823.745</u>

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm kế toán VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 1/1/2011 và 31/12/2011	53.372.880
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 1/1/2011	35.581.920
Khấu hao trong năm	10.674.576
Tại ngày 31/12/2011	<u>46.256.496</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2011	<u>7.116.384</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>17.790.960</u>

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	2011 VND	2010 VND
Tại ngày 1 tháng 1	17.917.339.824	28.270.199.514
Tăng	13.071.098.059	96.964.790.416
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(7.980.305.963)	(8.846.168.934)
Kết chuyển sang bất động sản đầu tư	(261.972.169)	(98.471.481.172)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>22.746.159.751</u>	<u>17.917.339.824</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI BẾN ĐÌNHLầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện tổng chi phí xây dựng căn cứ dịch vụ Dầu khí Sao Mai Bến Đình trên diện tích 160 ha đất và chi phí xây dựng Căn cứ Dịch vụ Công nghiệp Dầu khí Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, tổng số vốn đầu tư vào căn cứ dịch vụ Dầu khí Sao Mai Bến Đình và Căn cứ Dịch vụ Công nghiệp Dầu khí Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa lần lượt là 15.371.798.337 đồng và 7.374.361.414 đồng.

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Dự án Cơ sở hạ tầng - 39,8 hectare (i)	131.881.668.267	131.881.668.267
Dự án Cơ sở hạ tầng 23 hectare (ii)	97.399.118.187	97.137.146.018
	<u>229.280.786.454</u>	<u>229.018.814.285</u>

(i) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng và diện tích đất 39,8 ha tại căn cứ dịch vụ Dầu khí Sao Mai Bến Đình của dự án Sao Mai Bến Đình đã hoàn thành năm 2009 và sau đó được thuê bởi Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí từ năm 2010. Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian thuê là 48 năm.

(ii) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng và diện tích đất 23 ha được thuê bởi Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí năm 2010. Giá trị thực của khoản đầu tư này được tạm ghi nhận vào năm 2010 và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 49 năm. Năm 2011, bất động sản đầu tư này được quyết toán và không có sự biến đổi đáng kể trong giá trị của bất động sản đầu tư này.

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Bê Tông Công Nghệ Cao, với số tiền đầu tư tương đương 13,16% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bê Tông Công Nghệ Cao.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty Cổ phần Đầu tư Bê Tông Công Nghệ Cao hoạt động có lợi nhuận nên không cần lập dự phòng cho khoản đầu tư này.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	259.666.473
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.721.197.300	4.614.538.880
Thuế thu nhập cá nhân	-	450.835.838
	<u>3.721.197.300</u>	<u>5.325.041.191</u>

14. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận trên khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư và cơ sở tính thuế thu nhập do có sự khác biệt về thời gian tính khấu hao theo thuế cho phép là 25 năm và thời gian tính khấu hao của Công ty áp dụng là 48 năm.

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các kỳ kế toán trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
 Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Khấu hao nhanh
VND

Tại ngày 1/1/2011	770.700.348
Ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	1.109.364.145
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.880.064.493</u>

15. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện số tiền Công ty được trả trước cho việc thuê cơ sở hạ tầng tại căn cứ dịch vụ Dầu khí Sao Mai Bến Đình, thành phố Vũng Tàu.

Chi tiết số dư khoản doanh thu chưa thực hiện tại ngày 31/12/2011 và ngày 31/12/2010 như sau:

	31/12/2011 <u>VND</u>	31/12/2010 <u>VND</u>
Doanh thu chưa thực hiện dự án 39,8 ha	138.798.472.021	141.815.830.108
Doanh thu chưa thực hiện dự án 23 ha	104.311.489.315	79.466.640.970
	<u>243.109.961.336</u>	<u>221.282.471.078</u>

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ <u>VND</u>	Quỹ đầu tư phát triển <u>VND</u>	Quỹ dự phòng tài chính <u>VND</u>	Chênh lệch tỷ giá hối đoái <u>VND</u>	Lợi nhuận chưa phân phối <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tại ngày 1/1/2010	500.000.000.000	15.172.565.305	5.619.468.631	-	32.768.387.930	553.560.421.866
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	25.115.382.606	25.115.382.606
Phân phối các quỹ	-	6.781.153.303	2.511.538.261	-	(12.055.383.651)	(2.762.692.087)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(1.411.475.005)	-	(1.411.475.005)
Cổ tức đã trả	-	-	-	-	(25.000.000.000)	(25.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2010	<u>500.000.000.000</u>	<u>21.953.718.608</u>	<u>8.131.006.892</u>	<u>(1.411.475.005)</u>	<u>20.828.386.885</u>	<u>549.501.637.380</u>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	24.996.997.932	24.996.997.932
Phân phối các quỹ	-	6.749.189.442	2.499.699.793	-	(11.998.559.006)	(2.749.669.771)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	1.411.475.005	-	1.411.475.005
Điều chỉnh	-	945.571.045	350.211.498	-	(1.681.015.192)	(385.232.649)
Tại ngày 31/12/2011	<u>500.000.000.000</u>	<u>29.648.479.095</u>	<u>10.980.918.183</u>	<u>-</u>	<u>32.145.810.619</u>	<u>572.775.207.897</u>

Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế vào quỹ dự phòng tài chính để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh theo điều lệ của Công ty. Theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 2 năm 2012, khoản trích này được trích theo tỷ lệ bằng mười phần trăm (10%) lợi nhuận sau thuế của Công ty. Quỹ đầu tư phát triển được trích bằng ba mươi phần trăm (30%) của lợi nhuận sau thuế sau khi đã trích quỹ dự phòng tài chính. Các quỹ khác được trích bằng mười phần trăm (10%) lợi nhuận sau thuế. Cũng theo Nghị quyết này, Hội đồng quản trị thống nhất phương án chi trả cổ tức năm 2011 với mức chi là 20 tỷ đồng, tương đương 400 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện việc chi trả cổ tức sẽ được tiến hành trong năm 2012. Tuy nhiên, việc trích lập các quỹ cũng như giá trị cổ tức chi trả sẽ phụ thuộc vào quyết định chính thức từ các Cổ đông thông qua hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Vốn điều lệ	31/12/2011 <u>VND</u>	31/12/2010 <u>VND</u>
Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 50 triệu cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần	500.000.000.000	500.000.000.000
Cổ phần đã phát hành và thu tiền 50 triệu cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần	500.000.000.000	500.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI BẾN ĐÌNHLầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 500 tỷ đồng được chia thành 50.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Chủ sở hữu cổ phần cổ đông có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Tình hình góp vốn điều lệ của của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	VND	%	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Cổ đông sáng lập				
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	-	-	111.369.460.000
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ Thuật Dầu Khí	210.250.000.000	42,05	210.230.500.000	100.230.500.000
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	50.924.000.000	10,18	50.924.000.000	50.924.000.000
Các cổ đông khác	<u>238.826.000.000</u>	<u>47,77</u>	<u>238.845.500.000</u>	<u>237.476.040.000</u>
	<u>500.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>500.000.000.000</u>	<u>500.000.000.000</u>

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là khai thác cụm cảng và khu kinh tế Sao Mai Bến Đình, xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí; lắp ráp giàn khoan và các công trình nổi phục vụ ngành dầu khí; kinh doanh máy móc thiết bị phục vụ ngành dầu khí. Trong năm, Công ty không phát sinh doanh thu, chi phí từ các hoạt động kinh doanh khác, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày là liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

18. DOANH THU

	2011 VND	2010 VND
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	5.203.351.426	3.655.518.607
Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.865.059.525	11.346.358.048
Doanh thu kinh doanh máy móc thiết bị phục vụ ngành dầu khí (cung cấp máy cầu cho Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt - Xô)	247.360.229.042	-
	<u>291.428.639.993</u>	<u>15.001.876.655</u>

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2011 VND	2010 VND
Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư	4.736.831.217	3.325.732.046
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	35.518.578.283	10.985.017.472
Giá vốn kinh doanh máy móc thiết bị phục vụ ngành dầu khí (cung cấp máy cầu cho Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt - Xô)	243.718.227.046	-
	<u>283.973.636.546</u>	<u>14.310.749.518</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI BẾN ĐÌNHLầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2011 <u>VND</u>	2010 <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.368.141.738	802.769.439
Chi phí nhân công	25.956.810.541	12.214.159.938
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.098.099.113	5.079.343.263
Chi phí dịch vụ mua ngoài	275.553.901.608	15.299.324.306
Chi phí khác	7.839.188.636	6.053.120.588
	<u>318.816.141.636</u>	<u>39.448.717.534</u>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2011 <u>VND</u>	2010 <u>VND</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	51.565.685.593	34.539.776.754
Lãi ủy thác đầu tư, ủy thác quản lý vốn	13.923.761.996	23.209.599.645
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.560.497.197	-
	<u>70.049.944.786</u>	<u>57.749.376.399</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2011 <u>VND</u>	2010 <u>VND</u>
Chi phí lãi vay	2.341.143.992	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.170.909.550	-
	<u>8.512.053.542</u>	<u>-</u>

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2011 <u>VND</u>	2010 <u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	33.655.977.761	33.302.535.520
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(4.439.632.902)	(4.050.942.793)
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	982.117.877	414.217.536
Thu nhập chịu thuế	<u>30.198.462.736</u>	<u>29.665.810.263</u>
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>7.549.615.684</u>	<u>7.416.452.566</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán dựa vào cơ sở dữ liệu sau:

	2011 <u>VND</u>	2010 <u>VND</u>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.996.997.932	25.115.382.606
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	50.000.000	50.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>500</u>	<u>502</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
 Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

25. CAM KẾT VỐN

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có cam kết góp vốn để thành lập Công ty Cảng container Quốc tế Vũng Tàu với số tiền là 250 tỷ đồng tương đương 25% vốn đầu tư của dự án này cùng với Tổng công ty Hàng hải Việt Nam và Tập đoàn Trung Hoa Triều Thương Cục theo Hợp đồng liên doanh được ký ngày 26 tháng 4 năm 2010. Tuy nhiên, tại ngày kết thúc niên độ kế toán, việc liên doanh này chưa được cấp Giấy chứng nhận đầu tư của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Do đó, hợp đồng liên doanh này bị chấm dứt theo điều khoản của hợp đồng.

Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đầu tư ngày 29 tháng 5 năm 2011 từ Ban Quản lý khu Kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa cho Dự án căn cứ dịch vụ Công nghiệp Dầu khí Vân Phong với diện tích khoảng 350 ha đất, tổng vốn đầu tư là 25.772.000.000.000 đồng. Dự án gồm 3 giai đoạn dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng vào năm 2017. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã hoàn tất báo cáo khảo sát chi tiết cho dự án này. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho dự án tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày tại Thuyết minh số 10.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có cam kết vốn đầu tư vào dự án Khu Dịch vụ Dầu khí trên diện tích 35 ha tại khu Căn cứ Sao Mai Bến Đình. Tổng vốn đầu tư ước tính của dự án là 1.428.911.000.000 đồng, thời gian triển khai và hoàn thành dự kiến là từ năm 2012 – 2014. Tại thời điểm kết thúc niên độ, Công ty đang tiến hành lập dự án đầu tư và do đó, tổng giá trị đầu tư cũng như thời gian triển khai và hoàn thành có thể thay đổi đáng kể khi dự án được chính thức phê duyệt.

26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2011 <u>VND</u>	2010 <u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>2.078.158.928</u>	<u>1.036.798.908</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2011 <u>VND</u>	31/12/2010 <u>VND</u>
Trong vòng một năm	1.839.528.960	1.941.083.520
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	1.649.169.113
	<u>1.839.528.960</u>	<u>3.590.252.633</u>

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện các khoản thanh toán cho việc thuê văn phòng có thời hạn thuê từ 1 đến 2 năm.

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
 Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	402.344.257.497	308.569.253.466
Đầu tư ngắn hạn	130.000.000.000	185.000.000.000
Phải thu khách hàng	13.203.530.933	25.879.078.219
Phải thu khác	9.174.453.577	9.772.645.247
Ký quỹ ngắn hạn	15.000.000	25.000.000
Ký quỹ dài hạn	23.000.000	230.767.120
Đầu tư dài hạn	10.530.000.000	10.530.000.000
	<u>565.290.242.007</u>	<u>540.006.744.052</u>
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	5.019.066.409	24.147.691.299
Chi phí phải trả	2.095.309.138	330.660.200
	<u>7.114.375.547</u>	<u>24.478.351.499</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đô la Mỹ (USD)	-	-	6.706.107.114	18.461.441.354
Euro (EUR)	-	-	2.755.505	2.718.154
			<u>6.708.862.619</u>	<u>18.464.159.508</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan của Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán	5.019.066.409	-	5.019.066.409
Chi phí phải trả	2.095.309.138	-	2.095.309.138
31/12/2010	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán	24.147.691.299	-	24.147.691.299
Chi phí phải trả	330.660.200	-	330.660.200

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	402.344.257.497	-	402.344.257.497
Đầu tư ngắn hạn	130.000.000.000	-	130.000.000.000
Phải thu khách hàng	13.203.530.933	-	13.203.530.933
Phải thu khác	9.174.453.577	-	9.174.453.577
Tiền gửi ngắn hạn	15.000.000	-	15.000.000
Tiền gửi dài hạn	-	23.000.000	23.000.000
Đầu tư dài hạn	-	10.530.000.000	10.530.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
 Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

	31/12/2010	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	308.569.253.466	-	-	308.569.253.466
Đầu tư ngắn hạn	185.000.000.000	-	-	185.000.000.000
Phải thu khách hàng	25.879.078.219	-	-	25.879.078.219
Phải thu khác	9.772.645.247	-	-	9.772.645.247
Tiền gửi ngắn hạn	25.000.000	-	-	25.000.000
Tiền gửi dài hạn	-	-	230.767.120	230.767.120
Đầu tư dài hạn	-	-	10.530.000.000	10.530.000.000

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2011 VND	2010 VND
Doanh thu cung cấp máy cầu cho Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt - Xô	247.360.229.042	-
Cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	28.301.391.047	88.115.281.639
Cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	19.572.499.929	-
Cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải	13.580.919.324	-
Mua dịch vụ của Công ty Cổ phần Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	-	99.338.960.154
Mua dịch vụ Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	11.427.999.169	-
Mua dịch vụ của Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí PTSC	2.078.158.928	-
Phí sử dụng nhãn hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.665.126.776	-

Lãi ủy thác đầu tư, ủy thác quản lý vốn

Tổng Công ty Cổ Phần Tài Chính Dầu Khí	12.523.373.107	17.603.835.201
--	----------------	----------------

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Tổng Công ty Cổ Phần Tài Chính Dầu Khí (ủy thác quản lý vốn)	103.000.000.000	144.511.612.500
--	-----------------	-----------------

Thu nhập Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị được hưởng trong kỳ như sau:

	2011 VND	2010 VND
Lương và thưởng	2.812.006.857	2.788.695.160

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	438.416.275	7.252.138.519
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải	3.439.892.462	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	2.697.653.663	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

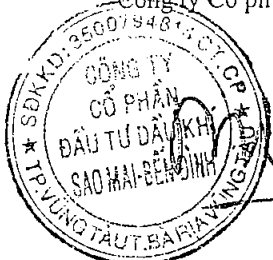
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Các khoản phải trả

Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải	-	1.559.600.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp & dân dụng dầu khí	-	20.026.200.372
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	25.513.633	-
Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí PTSC	217.869.617	-
	<hr/>	<hr/>



Phùng Như Dũng

Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2012

Phạm Minh Vi

Kế toán trưởng

